

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP HỌC KÌ II
NĂM HỌC 2023-2024

Môn: TOÁN 9

A. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1) Đại số

- Phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Hệ phương trình bậc nhất hai ẩn
- Giải hệ phương trình bằng phương pháp cộng, phương pháp thế.
- Hàm số $y=ax^2$ ($a \neq 0$)
- Đồ thị hàm số $y=ax^2$ ($a \neq 0$)
- Phương trình bậc hai một ẩn.
- Định lý Viet- ứng dụng
- Phương trình quy về phương trình bậc hai.
- Giải bài toán bằng cách lập phương trình hoặc hệ phương trình

2) Hình học

- Góc ở tâm, số đo cung
- Liên hệ giữa cung và dây .
- Góc nội tiếp.
- Góc tạo bởi tia tiếp tuyến và dây cung .
- Góc có đỉnh ở bên trong, bên ngoài đường tròn
- Cung chứa góc, Tứ giác nội tiếp đường tròn.
- Độ dài đường tròn, cung tròn,
- Diện tích hình tròn, hình quạt tròn.
- Hình trụ, diện tích xung quanh và thể tích hình trụ
- Hình nón, diện tích xung quanh và thể tích của hình nón
- Hình cầu, diện tích mặt cầu và thể tích hình cầu.

I. Các dạng bài tập.

- *Dạng 1:* Thực hiện phép tính về Giải phương trình bậc nhất hai ẩn; hệ phương trình bậc nhất hai ẩn.
- *Dạng 2:* Các bài toán về Giải bài toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.
- *Dạng 3:* Các bài toán về vẽ đồ thị hàm số bậc nhất, đồ thị hàm số bậc hai $y=ax^2$ ($a \neq 0$).
- *Dạng 4:* Các bài toán về áp dụng định lý Viet
- *Dạng 5:* Các bài toán về giải phương trình quy về bậc hai.
- *Dạng 6:* Các bài toán về quan hệ giữa đường thẳng và Parabol
- *Dạng 7:* Các bài toán về tính toán, chứng minh các hệ thức trong đường tròn
- *Dạng 8:* Các bài toán về đường tròn, tiếp tuyến của đường tròn, tứ giác nội tiếp, cung chứa góc...
- *Dạng 9:* Các bài toán về các khối hình trụ, hình nón, hình cầu.
- *Dạng 10:* Các bài toán vận dụng các kiến thức Toán học và liên môn để giải quyết các tình huống thực tiễn.

B. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Bài 1: Cho các biểu thức $A = \left(\frac{1}{\sqrt{x}-1} - \frac{1}{\sqrt{x}+1} \right)$ và $B = \left(\frac{x+1}{2} - \sqrt{x} \right)$

với $x \geq 0, x \neq 1$.

1. Tính giá trị của biểu thức B khi $x = 4$;
2. Rút gọn biểu thức $M = A.B$.

3. Tìm x để $M = \frac{\sqrt{x}}{6}$.

Bài 2: Cho các biểu thức: $M = \left(\frac{1}{\sqrt{x}} + \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}+1} \right)$; $N = \frac{\sqrt{x}}{x+\sqrt{x}}$ với $x > 0$.

1. Tính giá trị của N khi $x = 16$.
2. Rút gọn biểu thức $P = M : N$.
3. Tìm giá trị nhỏ nhất của P.

Bài 3: Cho các biểu thức $P = \left(\frac{1}{\sqrt{x}-1} + \frac{\sqrt{x}}{x-1} \right)$; $Q = \left(\frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-1} - 1 \right)$ với $x \geq 0; x \neq 1$.

1. Tính giá trị của Q khi $x = 4$.
2. Rút gọn biểu thức $M = P : Q$.
3. Tìm x để $M < \frac{3}{2}$.

Bài 4: Cho hai biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-1} + \frac{1}{\sqrt{x}+2} - \frac{3\sqrt{x}}{x+\sqrt{x}-2}$ và $B = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}+1}$

với $x \geq 0, x \neq 1$.

1. Tính giá trị biểu thức B khi $x = 9$.
2. Rút gọn biểu thức A.
3. Tìm x để biểu thức $S = A.B$ có giá trị lớn nhất.

Bài 5: Cho hai biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}+2}{\sqrt{x}-5}$ và $B = \frac{3}{\sqrt{x}+5} + \frac{20-2\sqrt{x}}{x-25}$, với $x \geq 0, x \neq 25$

1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 9$

2) Chứng minh $B = \frac{1}{\sqrt{x}-5}$

3) Tìm tất cả các giá trị của x để $A = B \cdot |x-4|$.

Bài 6: Cho biểu thức $A = \frac{\sqrt{x}-1}{\sqrt{x}+1}$ và $B = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}+1} - \frac{5}{1-\sqrt{x}} + \frac{4}{x-1}$ với $x \geq 0; x \neq 1$

- 1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 9$
- 2) Rút gọn biểu thức B và tìm giá trị của x để $B < 1$
- 3) Tìm $x \in \mathbb{R}$ để biểu thức $P = A.B$ có giá trị là số nguyên

Bài 7 : Cho hai biểu thức $A = \frac{4(\sqrt{x}+1)}{25-x}$ và $B = \left(\frac{15-\sqrt{x}}{x-25} + \frac{2}{\sqrt{x}+5} \right) : \frac{\sqrt{x}+1}{\sqrt{x}-5}$,

với $x \geq 0, x \neq 25$

1) Tính giá trị của biểu thức A khi $x = 9$

2) Rút gọn biểu thức B

3) Tìm tất cả các giá trị nguyên của x để biểu thức $P = A.B$ đạt giá trị nguyên lớn nhất

*** Giải bài tập bằng cách lập phương trình (hệ pt):**

Bài 8: Một xe khách và một xe du lịch khởi hành đồng thời từ A để đi tới B. Vận tốc của xe du lịch lớn hơn vận tốc của xe khách là 20 km/h. Do đó xe du lịch đến trước xe khách 50 phút. Tính vận tốc mỗi xe, biết quãng đường AB dài 100 km.

Bài 9: Trong tháng đầu 2 tổ sản xuất được 800 chi tiết máy. Sang tháng 2, tổ I vượt mức 15%, tổ II vượt mức 20%. Do đó, cuối tháng cả 2 tổ sản xuất được 945 chi tiết máy. Tính xem trong tháng đầu mỗi tổ sản xuất được bao nhiêu chi tiết máy.

Bài 10: Một ô tô đi từ tỉnh A đến tỉnh B cách nhau 120 km trong một thời gian dự định.

Sau khi đi được $\frac{1}{3}$ quãng đường, do tắc đường xe phải dừng lại mất 24 phút. Do đó để đến B đúng thời gian dự định xe phải tăng vận tốc thêm 10 km/h trên quãng đường còn lại. Tính vận tốc dự định của ô tô.

Bài 11: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài hơn chiều rộng 2 mét và đường chéo dài 10m. Tính diện tích của mảnh đất hình chữ nhật đó.

Bài 12: Hai đội thợ cùng đào một con mương thì sau 2 giờ 55 phút thì xong việc. Nếu họ làm riêng thì đội 1 hoàn thành công việc nhanh hơn đội 2 là 2 giờ. Hỏi nếu làm riêng thì mỗi đội phải làm trong bao nhiêu giờ thì xong công việc?

Bài 13: Một người dự định sản xuất 120 sản phẩm trong một thời gian nhất định. Do tăng năng suất 4 sản phẩm mỗi giờ nên đã hoàn thành sớm hơn dự định 1 giờ. Hãy tính năng suất dự kiến của người đó.

Bài 14: Một phòng họp có 240 ghế được xếp thành các dãy có số ghế bằng nhau. Nếu mỗi dãy bớt đi một ghế thì phải xếp thêm 20 dãy mới hết số ghế. Hỏi phòng họp lúc đầu được xếp thành bao nhiêu dãy ghế.

Bài 15: Cho hàm số $y = ax^2$ và $y = 1 - x$

a, Vẽ đồ thị 2 hàm số trên khi $a = 2/3$, trên cùng một hệ trục tọa độ

b, Với giá trị nào của a thì đường thẳng $y = 1 - x$ tiếp xúc với parabol $y = ax^2$? Tìm tọa độ tiếp điểm

Bài 16: Cho parabol $y = \frac{x^2}{2}$ (P) và đường thẳng $y = x + m$ (d)

a, Tìm giá trị của m để (d) cắt (P) tại 2 điểm phân biệt

b, Xác định tọa độ giao điểm của (d) & (P) khi $m = \frac{3}{2}$

c, Tìm m để (d) tiếp xúc (P)? Xác định tọa độ tiếp điểm.

Bài 17: Cho parabol (P): $y = \frac{1}{4}x^2$ và đường thẳng (d): $y = mx + 1$.

a, Chứng minh rằng với mọi giá trị của m thì đường thẳng (d) luôn cắt parabol (P) tại hai điểm phân biệt

b, Gọi A, B là hai giao điểm của (d) và (P). Tính diện tích của tam giác OAB theo m (O là gốc tọa độ)

Bài 18: Cho pt $x^2 - 2mx + m^2 - 1 = 0$ (2)

a, CMR: pt luôn có 2 nghiệm với mọi m

b, Tìm m để pt có 2 nghiệm trái dấu

c, Tìm m để pt có 2 nghiệm cùng dấu

d, Tìm m để pt có 2 nghiệm cùng dương

e, Tìm m để pt có 2 nghiệm $x_1; x_2$ sao cho $x_1^2 + x_2^2 = 20$

f, Tìm m để pt có 2 nghiệm $x_1; x_2$ sao cho $x_2 = 3x_1$

Bài 19: Cho phương trình $x^2 - 2(m-1)x + m^2 - 3m = 0$ với x là ẩn và m là tham số.

1) Giải PT khi m = 2

2) Tìm các giá trị của m để PT có nghiệm x = -2. Tìm nghiệm còn lại

3) Tìm các giá trị của m để PT

a, Có hai nghiệm phân biệt. Tìm các nghiệm đó

b, Có nghiệm kép. Tìm nghiệm với m vừa tìm được

c, Vô nghiệm

4) Trong trường hợp PT có 2 nghiệm phân biệt, tìm các giá trị của m để:

a, $x_1^2 + x_2^2 = 8$

b, $2x_1 - 3x_2 = 8$

c, $|x_1 - x_2| = 4$

d, $|x_1| + |x_2| = 3$

5) Tìm các giá trị của m để PT có 2 nghiệm phân biệt thỏa mãn:

a, x_1, x_2 trái dấu

b, x_1, x_2 cùng dương

c, x_1, x_2 cùng âm

d, $(x_1^2 + x_2^2)$ đạt GTNN

6) Trong trường hợp PT có 2 nghiệm phân biệt, hãy:

a, Tìm hệ thức liên hệ giữa x_1, x_2 độc lập với m

b, Tìm các giá trị của m để $(2x_1 - 3)(2x_2 - 3) > 1$

c, Với $m \neq 0$ và $m \neq 3$, lập PT bậc 2 có các nghiệm là $y_1 = x_1 + \frac{1}{x_2}$ và $y_2 = x_2 + \frac{1}{x_1}$

Bài 20 Cho đường thẳng (d) $y = mx - 2$ và parabol (P) $y = -x^2$.

a/ Chứng minh đường thẳng (d) luôn cắt (P) tại hai điểm phân biệt A, B với mọi m.

b/ Tìm các giá trị của m để các hoành độ giao điểm x_1, x_2 của A và B thỏa mãn

$$x_1^2 x_2 + x_2^2 x_1 = 2014$$

Bài 21: Cho tứ giác ABCD nội tiếp đường tròn (O) và M là điểm chính giữa cung AB nhỏ (không chứa C, D). Hai dây MD và MC cắt AB lần lượt tại E và F, AD cắt MC tại I, BC cắt MD tại K. CMR:

a) CID = CKD

b) Tứ giác CDEF nội tiếp.

c) $IK \parallel AB$.

d) MA là tiếp tuyến của đường tròn ngoại tiếp $\triangle AED$.

Bài 22: Cho 2 đường tròn (O, R) và $(O', 2R)$ tiếp xúc trong tại A . Kẻ 2 cát tuyến AMN và APQ sao cho: M, P thuộc (O) ; N, Q thuộc (O') . CMR:

a, $MP \parallel NQ$

b, Tia $O'M$ cắt (O') tại S . Gọi H là trực tâm của tam giác SAO'

CMR: Tứ giác $SHO'N$ nội tiếp được

c, $NQ = 2MP$

Bài 23: Cho điểm B nằm giữa 2 điểm A và C . Vẽ đường thẳng d vuông góc với AC tại A . Vẽ đường tròn đường kính BC và trên đó lấy 1 điểm M bất kỳ. Tia CM cắt đường thẳng d tại D . Tia AM cắt đường tròn tại điểm thứ 2 là N . Tia DB cắt đường tròn tại điểm thứ 2 là P . CMR:

a, $ABMD$ là tứ giác nội tiếp

b, Tích $CD \cdot CM$ không phụ thuộc vào vị trí của M

c, Tứ giác $APND$ là hình gì? Tại sao?

d, Trọng tâm G của tam giác MAC chạy trên 1 đường tròn cố định khi M di động trên đường tròn đường kính BC

Bài 24: Cho nửa đường (O, R) đường kính AB cố định. Qua A, B vẽ tiếp tuyến với nửa đường tròn (O) . Từ điểm M trên nửa đường tròn (O) ($M \neq A, B$) Vẽ tiếp tuyến cắt các tiếp tuyến tại A và B thứ tự ở H và K . Chứng minh rằng:

a, $AHMO$ là tứ giác nội tiếp

b, $AH + BK = KH$

c, Tam giác HAO đồng dạng tam giác AMB và $HO \cdot MB$ có giá trị không đổi

d, Xác định vị trí M trên (O) để chu vi $AHKB$ có giá trị nhỏ nhất

Bài 25: Cho đường tròn $(O; R)$ và điểm S nằm bên ngoài (O) . Kẻ hai tiếp tuyến SA, SB

với đường tròn (O) (A, B là các tiếp điểm). Kẻ cát tuyến SMN ($SM < SN$), SM nằm trong góc OSB). H là trung điểm của MN .

a) **Chứng minh:** Tứ giác $SAOB$ nội tiếp và tứ giác $SOHB$ nội tiếp.

b) **Chứng minh:** $SA^2 = SM \cdot SN$

c) Đường thẳng BH cắt đường tròn (O) tại điểm thứ hai là I .

Chứng minh: $AI \parallel SN$

d) Gọi K là giao điểm của SO với AB . Chứng minh tứ giác $MNOK$ nội tiếp được.

Bài 26: Cho hệ pt
$$\begin{cases} mx + y = 2 \\ 4x + my = 5 \end{cases}$$

a, Giải hệ phương trình với $m = 1$

b, Xác định m để hệ phương trình có nghiệm duy nhất.

Bài 27: Một lon nước ngọt hình trụ đường kính đáy là 5cm, độ dài trục là 12cm. Tính thể tích lon nước ngọt.

Bài 28: Một cốc thủy tinh hình trụ đang chứa một lượng nước. Bán kính đáy của cốc nước hình trụ bằng 2cm. Người ta thả một viên bi hình cầu (không thấm nước) vào cốc, viên bi chìm xuống đáy cốc làm cho cột nước dâng cao thêm 3cm và nước chưa tràn ra ngoài. Tính thể tích viên bi.

Bài 29: Một hộp sữa hình trụ có thể tích là 16π (cm³). Biết rằng đường kính đáy và độ dài trục của hình trụ bằng nhau. Tính diện tích vật liệu cần dùng để tạo nên một hộp sữa như vậy (bỏ qua diện tích phần ghép nối)

Bài 30: Nón Huế là một hình nón có đường kính đáy bằng 40cm, độ dài đường sinh là 30cm. Người ta lát mặt xung quanh hình nón bằng 3 lớp lá khô. Tính diện tích lá cần dùng để tạo nên một chiếc nón Huế như vậy (làm tròn đến cm²)



Khúc Thị Mỹ Hạnh

Tổ trưởng CM

Phạm Hải Yến

Nhóm trưởng

Nguyễn Tuyết Hạnh

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học đến hết tuần 28

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Vẽ sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạch điện:

- a. Mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn.
- b. Mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn.

Câu 2: Thế nào là sơ đồ nguyên lí và sơ đồ lắp đặt mạch điện?

Câu 3: Thế nào là mạng điện lắp đặt kiểu nổi, mạng điện lắp đặt kiểu ngầm. So sánh ưu và nhược điểm của hai phương pháp lắp đặt này?

Câu 4: Em hãy nêu quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn? Có thể bỏ qua công đoạn vạch dấu trong quy trình đó được không? Tại sao?

Câu 5: Em hãy nêu quy trình chung để vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn?

Câu 6: Em hãy nêu cách kiểm tra an toàn các thiết bị và đồ dùng điện trong gia đình?

Phần 2: Một số câu hỏi trắc nghiệm minh họa

Câu 1. Đâu không phải yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?

- A. Được phép luồn các đường dây khác cấp điện áp vào chung một ống
- B. Tổng tiết diện dây dẫn trong ống không vượt quá 40% tiết diện ống
- C. Khi dây dẫn đổi hướng phải tăng kẹp ống
- D. Khi dây dẫn phân nhánh phải tăng kẹp ống

Câu 2. Công dụng ống nối chữ L:

- A. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
- B. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
- D. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

Câu 3. Công dụng ống nối chữ T:

- A. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- B. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
- C. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- D. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

Câu 4. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Vạch dấu
- B. Khoan lỗ
- C. Nối dây bộ đèn
- D. Lắp thiết bị điện của bảng điện

Câu 5. Công dụng kẹp đỡ ống:

- A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
- B. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
- C. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 6. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

- A. 4
- B. 3
- C. 1
- D. 2

Câu 7. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

- A. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, kiểu ngầm
- B. Lắp đặt mạng điện ngầm, trên cao
- C. Lắp đặt mạng điện trên cao, dưới thấp
- D. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, trên cao

Câu 8. Quy trình chung để vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn
- B. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý
- C. Vẽ đường dây nguồn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện
- D. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

Câu 9. Khi lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần vẽ sơ đồ nào?

- A. Không cần vẽ sơ đồ
- B. Sơ đồ lắp đặt
- C. Sơ đồ nguyên lí
- D. Sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt

Câu 10. Công dụng ống nối nối tiếp:

- A. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- C. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
- D. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

Câu 11. Yêu cầu của đường dây dẫn đi xuyên qua tường hoặc trần nhà:

- A. Luồn dây qua ống cách điện, hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm
- B. Luồn dây qua ống cách điện
- C. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10m
- D. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm

Câu 12. Khi lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cầu chì được mắc trên dây nào?

- A. Dây chảy.
- B. Dây pha và dây trung hòa.
- C. Dây trung hòa.
- D. Dây pha.

Câu 13. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước?

- A. 2
- B. 5
- C. 4
- D. 8

Câu 14. Công tắc hai cực được mắc vào mạch điện như thế nào?

- A. Mắc nối tiếp với cầu chì
- B. Mắc sau đồ dùng điện
- C. Mắc nối tiếp với đèn, không qua cầu chì
- D. Mắc song song với cầu chì

Câu 15. Đâu không phải là ưu điểm của lắp đặt mạng điện kiểu ngầm?

- A. Tiết kiệm không gian lắp đặt
- B. Thuận tiện cho việc sửa chữa.
- C. Tránh được tác động của môi trường
- D. Đảm bảo tính thẩm mỹ

Câu 16. Công tắc 2 cực của mạch điện một công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn dùng để:

- A. Đóng hoặc ngắt nguồn điện
- B. Nối với đèn 2
- C. Điều khiển hai đèn
- D. Nối với đèn 1

Câu 17. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây cắt vật kiến trúc
- B. Đường dây vuông góc vật kiến trúc
- C. Đường dây song song vật kiến trúc
- D. Đường dây đặt trong rãnh kết cấu xây dựng

Câu 18. Đâu không phải đặc điểm của mạng điện lắp đặt kiểu ngầm?

- A. Dây dẫn đặt trong rãnh của tường
- B. Lắp đặt dây dẫn thường tiến hành trước khi đổ bê tông
- C. Dây dẫn đặt trong rãnh của trần nhà
- D. Dây dẫn lồng trong các ống nhựa đặt dọc trần nhà, cột, dầm, xà

Câu 19. Khi lắp đặt mạng điện kiểu nổi bảng điện phải cách mặt đất tối thiểu :

- A. 1,3 – 1,5m
- B. 1,3 – 1,6m
- C. 1,4 – 1,5m
- D. 1,3 – 1,7m.

Câu 20. Lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn cần có các thiết bị nào?

- A. Bốn cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- B. Ba cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- C. Một cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- D. Hai cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

Câu 21. Để kiểm tra rò điện của các dụng cụ điện bằng kim loại ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Kim
- B. Bút thử điện
- C. Tua vít
- D. Công tơ điện

Câu 22. Cách nối dây của hai công tắc ba cực trong mạch điện cầu thang là:

- A. Một cực động nối với hai cực tĩnh.
- B. Một cực động nối với một cực tĩnh.
- C. Cực động nối với cực động.
- D. Cực tĩnh nối với cực tĩnh.

Câu 23. Thiết bị điện nào dưới đây là thiết bị đóng cắt của mạng điện trong nhà?

- A. Cầu chì
- B. Ổ cắm điện
- C. Cầu dao
- D. Phích cắm điện

Câu 24. Trước khi sửa chữa mạng điện trong nhà em cần phải làm gì?

- A. Bật tắt cả đèn.
- B. Cắt nguồn điện.
- C. Rửa tay.
- D. Cắt các công tắc.

Câu 25. Đâu không phải là việc làm của kiểm tra đồ dùng điện?

- A. Nối các dây dẫn điện
- B. Dây dẫn không bị hở cách điện, rạn nứt
- C. Kiểm tra định kì các đồ dùng điện
- D. Kiểm tra cách điện đồ dùng điện

Câu 26. Khi kiểm tra các thiết bị của mạng điện trong nhà em phát hiện dây chảy cầu chì bị đứt thì nên thay bằng:

- A. Dây thiếc.
- B. Dây nhôm.
- C. Dây đồng.
- D. Dây chì.

Câu 27. Tại sao dây dẫn điện trong nhà *không* được dùng dây dẫn trần?

- A. Không đạt yêu cầu về mỹ thuật
B. Không thuận tiện khi sử dụng
C. Dây dẫn trần không bền bằng dây dẫn có vỏ bọc
D. Để đảm bảo an toàn điện

Câu 28. Nên đặt ổ cắm điện ở vị trí nào?

- A. Nơi ẩm ướt
B. Nơi khô ráo
C. Nơi nhiều bụi
D. Nơi quá nóng

Câu 29. Đồ dùng điện *không* có bộ phận cách điện bằng:

- A. Cao su
B. Thủy tinh
C. Chất dẻo
D. Kim loại

Câu 30. Để đóng ngắt mạch điện cầu thang thuận tiện ta cần lắp đặt:

- A. 1 công tắc 3 cực.
B. 2 công tắc 3 cực.
C. 2 công tắc 2 cực.
D. 1 công tắc 2 cực.



BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NTCM

Dương Thị Tươi

I. PHẦN I: NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học:

(Từ tuần 19 đến hết tuần 28)

a. Văn bản:

- Bàn về đọc sách
- Tiếng nói của văn nghệ
- Mùa xuân nho nhỏ
- Viếng lăng Bác
- Sang thu
- Nói với con

* **Yêu cầu:** Học thuộc thơ, nắm được hoàn cảnh ra đời, thể loại, đặc sắc nội dung và nghệ thuật, các luận điểm trong văn bản nghị luận...

b. Tiếng Việt:

- Khởi ngữ
- Liên kết câu và liên kết đoạn văn
- Nghĩa tường minh và hàm ý
- Các đơn vị kiến thức học ở lớp 6,7,8

* **Yêu cầu:** nắm được đặc điểm các đơn vị kiến thức và vận dụng vào viết đoạn văn

c. Tập làm văn: viết đoạn văn NLVH, NLXH

2. Một số câu hỏi trọng tâm:

Dạng 1. Câu hỏi đọc - hiểu:

1. Tên văn bản - thể loại, chép thuộc, nêu phương thức biểu đạt,....
2. Xác định kiến thức tiếng Việt và tác dụng của việc sử dụng yếu tố đó

Dạng 2. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

1. Vai trò và ý nghĩa của việc đọc sách.
2. Vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, đất nước trong “Mùa xuân nho nhỏ”
3. Khổ 2-3 bài “Viếng Lăng Bác”
4. Khổ thơ thứ 1-2 của bài “Sang thu”
5. Cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người qua khổ thơ thứ nhất bài “Nói với con”
6. Những phẩm chất cao đẹp của người đồng mình cùng mong muốn của người cha đối với con qua khổ thơ thứ 2 của bài “Nói với con”

Dạng 3. Đoạn văn liên hệ:

1. Suy nghĩ của em về sống đẹp
2. Suy nghĩ về vai trò của sự khiêm tốn
3. Suy nghĩ về việc vai trò của việc vượt lên chính mình trong cuộc sống.
4. Suy nghĩ về ý chí và nghị lực.
5. Suy nghĩ về tinh thần lạc quan.
6. Suy nghĩ về lòng bao dung...

II. PHẦN II: MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP MINH HOẠ

1. Dạng 1: Đọc hiểu

Bài tập 1: Cho đoạn trích sau:

Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. Nghệ sĩ giới thiệu với chúng ta một cảm giác, tình tự, một tư tưởng bằng cách làm sống hiện hiện ngay lên trong tâm hồn chúng ta cảm giác, tình tự, tư tưởng ấy. Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy. Bắt rễ ở cuộc đời hằng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người.

Câu 1: Trong đoạn văn trên, tác giả sử dụng phép lập luận nào chính?

Câu 2: Nội dung của đoạn văn trên là gì?

Câu 3: Câu nào trong đoạn văn trên nêu ra ý chủ đạo của đoạn văn?

Câu 4: Câu "Nghệ thuật không đứng ngoài trò vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy" sử dụng biện pháp nghệ thuật gì?

Câu 5: Về lập luận ở đoạn văn trên có gì đặc sắc?

Bài tập 2: Đọc kĩ khổ thơ sau và trả lời câu hỏi.

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.”

(Viếng Lăng Bác - Ngữ Văn 9- Tập II)

Câu 1: Cho biết cảm hứng bao trùm toàn bộ bài thơ?

Câu 2: Hình ảnh “mặt trời” trong khổ thơ em hiểu như thế nào? Chép một câu thơ trong 1 bài thơ khác đã học ở lớp 9 cũng có hình ảnh “mặt trời”? cho biết tên tác giả và tên tác phẩm?

Câu 3: Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ cuối của khổ thơ trên? Tại sao nhà thơ lại viết là “bảy mươi chín mùa xuân”?

Bài tập 3: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Câu 1: Đoạn trích trên được trích trong bài thơ nào? Giới thiệu đôi nét về tác giả

Câu 2: Có thể thay thế từ “phả” bằng từ “tỏa” được không?

Câu 3: Chỉ ra biện pháp tu từ trong khổ thơ:

Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu

Câu 4: Hai từ “dềnh dàng” và cụm từ “bắt đầu vội vã” trong đoạn thơ vừa chép có ý nghĩa gì trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ?

Bài tập 4: Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc

(Trích Nói với con, Y Phương, Ngữ văn 9, tập 1. NXB GDVN)

Câu 1: Xác định thể thơ của đoạn trích trên

Câu 2: Qua đoạn trích, em thấy cuộc sống người đồng mình hiện lên như thế nào?

Câu 3: Chỉ ra và nêu tác dụng của hai biện pháp tu từ được sử dụng trong các câu thơ sau:

Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc

Câu 4: Xác định thành ngữ trong khổ thơ trên. Em hiểu ý nghĩa của thành ngữ đó như thế nào?

Bài tập 4

Đọc đoạn thơ sau:

Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười
Người đồng mình yêu lắm con ơi

Dan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

Câu 1: Đoạn thơ trên được trích trong bài thơ nào? Của ai? Bài thơ được viết theo thể thơ gì?

Câu 2: Nhân vật trữ tình của đoạn thơ trên là ai? Nội dung chính của đoạn thơ này.

Câu 3: Phân tích giá trị của hai câu thơ:

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Câu 4: Em hiểu “Người đồng mình” là gì? Cách gọi “Người đồng mình” của tác giả có gì sâu sắc?

Dạng 2. Viết đoạn văn cảm thụ văn bản có yêu cầu tiếng Việt

Câu 1. Viết đoạn văn tổng hợp – phân tích – tổng hợp (khoảng 12 câu) trình bày cảm nhận của em về khổ thơ thứ 2 của bài thơ “Viếng lăng Bác” trong đoạn văn có sử dụng phép lặp để liên kết câu và một thành phần biệt lập (gạch chân – chú thích rõ)

Câu 2. Viết đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu trình bày cảm nhận của em về khổ thơ thứ 2 của bài thơ “Sang thu” trong đoạn văn có sử dụng phép thế để liên kết câu và một câu phủ định (gạch chân – chú thích rõ)

Câu 3. Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu trình bày cảm nhận của em về những phẩm chất cao đẹp của người đồng mình cùng mong muốn của người cha đối với con qua khổ thơ thứ 2 của bài “Nói với con, trong đoạn văn có sử dụng phép nối để liên kết câu và một câu cảm thán (gạch chân – chú thích rõ)

Dạng 3. Ngữ liệu mở

Bài 1. Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi:

Điều gì là quan trọng?

Chuyện xảy ra tại một trường trung học.

Thầy giáo giơ cao một tờ giấy trắng, trên đó có một vệt đen dài và đặt câu hỏi với học sinh:

- Các em có thấy gì không? Cả phòng vang lên câu trả lời:

- Đó là một vệt đen.

Thầy giáo nhận xét:

- Các em trả lời không sai. Nhưng không ai nhận ra đây là một tờ giấy trắng ư? Và thầy kết luận:

Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ. Khi phải đánh giá về một sự việc hay một con người, thầy mong các em đừng chú trọng vào vệt đen mà hãy nhìn ra tờ giấy trắng với nhiều mảng sạch mà ta có thể viết lên đó những điều có ích cho đời.

(Trích Quà tặng cuộc sống - Dẫn theo <http://gacsach.com>)

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính. Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm?

Chỉ ra và gọi tên phép liên kết hình thức ở phần in đậm. (1,0 điểm)

Câu 2: Em hiểu thế nào về câu nói: "Có người thường chú tâm đến những lỗi lầm nhỏ nhất của người khác mà quên đi những phẩm chất tốt đẹp của họ"?

Bài 2. Đọc ngữ liệu và trả lời các câu hỏi:

CÓ ÁP LỰC MỚI CÓ ĐỘNG LỰC PHẤN ĐÁU

Năm 1920, cậu bé 11 tuổi nọ lỡ đá quả bóng làm vỡ cửa kính nhà hàng xóm. Họ bắt cậu phải đền 12,5 đô-la nên cậu đã chạy về nhà nhận lỗi với bố. Bố cậu nói:

- Tiền, bố có thể cho con mượn trước được nhưng một năm sau phải trả lại đầy đủ cho bố.

Kể từ đó, cậu bé bắt đầu kiếm việc làm thuê, dành dụm tích cóp. Chỉ nửa năm sau, cậu đã trả lại đúng 12,5 đô-la cho bố. Về sau, cậu bé ấy khôn lớn và trở thành một nhân vật xuất chúng trong lịch sử. Đó chính là Abraham Lincoln, Tổng thống Hoa Kỳ sau này.

(Theo Hạt giống tâm hồn, Nhiều tác giả, NXB Tổng hợp TP Hồ Chí Minh, Trang 42)

Câu 1: Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu: *Năm 1920, cậu bé 11 tuổi nọ lỡ đá quả bóng làm vỡ cửa kính nhà hàng xóm.*

Câu 2: Theo em, yêu cầu bố của cậu bé đặt ra ("Tiền, bố có thể cho con mượn trước được nhưng một năm sau, phải trả lại đầy đủ cho bố.") có ý nghĩa như thế nào đối với cậu bé

BGH duyệt

TTCM

NTCM

Ngô Thị Bích Liên

Lưu Hoàng Trang

Nguyễn Thị Bình

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 28

2. Một số câu hỏi trọng tâm.

Câu 1. Trình bày kế hoạch Na-va và chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954

Câu 2. Chiến dịch Điện Biên Phủ 1954 và nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp?

Câu 3. Trình bày quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mỹ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam

II. MỘT SỐ BÀI TẬP MINH HỌA

Câu 1: Mục tiêu cơ bản của thực dân Pháp trong việc đề ra và thực hiện kế hoạch Nava là gì?

- A. Giành lại thế chủ động trên chiến trường
- B. Tiêu diệt lực lượng kháng chiến của Việt Minh
- C. Mở rộng bình định vùng chiếm đóng
- D. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, kết thúc chiến tranh trong danh dự

Câu 2: Hướng tiến công chiến lược của Nava trong thu - đông 1953 và xuân 1954 là

- A. Bắc Bộ
- B. Trung Bộ và Nam Bộ
- C. Trung Bộ và Nam Đông Dương
- D. Bắc Bộ và Bắc Đông Dương

Câu 3: Từ thu - đông 1954, hướng tiến công của quân Pháp theo kế hoạch Nava sẽ có sự thay đổi như thế nào?

- A. Chuyển hướng tiến công ra Bắc Bộ
- B. Chuyển hướng tiến công lên Tây Nguyên
- C. Chuyển hướng tiến công lên Bắc Đông Dương
- D. Tiếp tục tiến công ở Trung Bộ và Nam Đông Dương

Câu 4: Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp và xác định phương hướng chiến lược của ta trong đông xuân 1953-1954 là

- A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch tương đối yếu
- B. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch mạnh nhất
- C. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi có vị trí quan trọng mà địch tương đối yếu
- D. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi bố phòng sơ hở của địch

Câu 5: Phương châm tác chiến của ta trong Đông - xuân 1953 -1954 là gì?

- A. "Đánh nhanh, thắng nhanh".
- B. "Đánh chắc, thắng chắc".
- C. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng".
- D. "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng".

Câu 6: Từ cuối 1953 đến đầu 1954, khối cơ động chiến lược của quân Pháp đã bị phân tán ra những vị trí nào?

- A. Lai Châu, Điện Biên Phủ, Xê-nô, Luông-pha-băng
- B. Điện Biên Phủ, Xê-nô, Plâyku, Luông-pha-băng
- C. Điện Biên Phủ, Thà khết, Plâyku, Luông-pha-băng
- D. Đồng bằng Bắc Bộ, Điện Biên Phủ, Xê-nô, Plâyku, Luông-pha-băng

Câu 7: Ngày 7-5-1954, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết

Câu 8: Hiệp định Giơnevơ (1954) đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia bao gồm

- A. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- B. Độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- C. Độc lập, chủ quyền, tự do và toàn vẹn lãnh thổ
- D. Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 9: Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ tiến tới thống nhất bằng

- A. quân Pháp rút hết khỏi Việt Nam
- B. chính phủ mới được thành lập ở Việt Nam
- C. cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7-1956
- D. ngay khi hiệp định Giơnevơ có hiệu lực

Câu 10: Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ (1954), ranh giới phân chia khu vực tập kết của quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam là

- A. Vĩ tuyến 13
- B. Vĩ tuyến 14
- C. Vĩ tuyến 16
- D. Vĩ tuyến 17

Câu 11: Kế hoạch Nava được đề ra và thực hiện trong bối cảnh quân Pháp đang ở trong tình thế như thế nào?

- A. Nắm được quyền chủ động trên chiến trường
- B. Giữ thế cầm cự trên chiến trường
- C. Lâm vào thế bị động, phòng ngự
- D. Liên tục phản công nhưng đều thất bại

Câu 12: Điều không phải là những biện pháp được Pháp thực hiện trước khi kế hoạch Nava bị đảo lộn?

- A. Tăng cường viện binh cho Đông Dương
- B. Tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ
- C. Mở các cuộc tiến công vào Ninh Bình, Thanh Hóa để phá kế hoạch tiến công của ta
- D. Tập trung lực lượng xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Câu 13: Nơi tập trung lực lượng mạnh nhất của thực dân Pháp theo dự tính ban đầu trong kế hoạch Nava là

- A. Điện Biên Phủ
- B. Đồng bằng Bắc Bộ
- C. Thượng Lào
- D. Bắc Tây Nguyên

Câu 14: Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 là

- A. Làm phân tán khối cơ động chiến lược của Nava
- B. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava
- C. Chuẩn bị về vật chất cho chiến dịch Điện Biên Phủ
- D. Củng cố tinh thần để quân dân Việt Nam mở cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ

Câu 15: Tại sao có thể khẳng định chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) đóng vai trò quyết định chấm dứt chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương?

- A. Đập tan nỗ lực cao nhất của Pháp- Mĩ, dẫn tới việc kí kết hiệp định Giơ-ne-vơ
- B. Thúc đẩy phong trào đấu tranh ở các thuộc địa của Pháp phát triển mạnh
- C. Đè bẹp ý chí xâm lược của thực dân Pháp
- D. Đã giải phóng được một vùng rộng lớn ở phía Bắc

Câu 16: Điều không phải ý nghĩa lịch sử của kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954)?

- A. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam
- B. Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội
- C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
- D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

Câu 17: Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ không nhằm mục tiêu gì?

- A. Tiêu diệt lực lượng địch ở Điện Biên Phủ
- B. Giải phóng Tây Bắc
- C. Giải phóng toàn bộ phía Bắc
- D. Tạo điều kiện để giải phóng Bắc Lào

Câu 18: Văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương là

A. Hiệp định Sơ bộ

B. Tạm ước Việt- Pháp

C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương

D. Hiệp định Pari về Việt Nam

Câu 19: Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 đã khoét sâu vào điểm yếu nào của kế hoạch Nava?

A. mâu thuẫn giữa tập trung và phân tán lực lượng

B. tính phi nghĩa của cuộc chiến tranh Đông Dương của thực dân Pháp

C. không thể tăng thêm quân số để xây dựng lực lượng mạnh

D. thời gian để xây dựng lực lượng, chuyển bại thành thắng quá ngắn (18 tháng)

Câu 20: Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã có tác động như thế nào đến hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc?

A. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới

B. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới

C. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới

D. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới



BẢN GIÁM HIỆU

Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thảo

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
Năm học 2023-2024

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA
CUỐI KÌ II

MÔN: ĐỊA LÍ: KHỐI 9

I. NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP

1. Các đơn vị kiến thức: Từ tuần 19 đến tuần 29

2. Các câu hỏi trọng tâm :

Câu 1. Nêu đặc điểm vị trí , giới hạn vùng biển Việt Nam?

Câu 2. Nêu tình hình phát triển các ngành kinh tế biển: Khai thác , nuôi trồng , chế biến thủy sản, khai thác chế biến khoáng sản biển, du lịch biển đảo, phát triển tổng hợp ngành giao thông vận tải biển?

Câu 3. Nêu các giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường biển đảo?

II MỘT SỐ CÂU HỎI MINH HỌA: TNKQ: (Ôn tập từ bài 38 đến bài 40)

Câu 1. Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

- A. 1,2 tr ha B. 1,5 tr ha C. 2,5 tr ha D. 4 tr ha

Câu 2. Để cải tạo đất mặn, đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long, cần phải:

- A. Có nước ngọt để thau chua, rửa mặn.
B. Tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.
C. Duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.
D. Chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 3. Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Cung cấp hoa quả, mật ong rừng B. Cung cấp than bùn, săn bắt thú
C. Là rừng phòng hộ D. Tạo cân bằng sinh thái

Câu 4. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với Biển Đông ở phía nào?

- A. Tây B. Bắc C. Đông, Nam D. Tây, Nam

Câu 5. Theo thứ tự lần lượt từ trong đất liền trở ra, vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận

- A. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
B. lãnh hải, nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
C. tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
D. vùng đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải

Câu 6. Phạm vi được coi là biên giới quốc gia trên biển?

- A. Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế
B. Ranh giới phía trong của lãnh hải
C. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải
D. Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế

Câu 7. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

- A. Móng Cái đến Vũng Tàu B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 8. Hệ thống các đảo ven bờ tập trung nhiều nhất ở

- A. Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, Cà Mau
B. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang, Thái Bình

- C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang
D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 9. Quần đảo Hoàng Sa(Trường Sa) thuộc tỉnh/Thành phố nào?

- A.Đà Nẵng B.Hải Phòng C.Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 10. Tác dụng trước tiên của đánh bắt xa bờ đối với ngành thủy sản là

- A.Giúp bảo vệ vùng biển B.Giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản
C.Bảo vệ được vùng trời D.Bảo vệ được vùng thềm lục địa

Câu 11.Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng

- A.100 loài B.110 loài C.120 loài D. 2000 loài

Câu 12.Số lượng loài tôm trên vùng biển nước ta khoảng

- A.100 loài B.110 loài C.120 loài D. 2000 loài

Câu 13. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A.Một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta
B.Nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất
C.Hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta
D.Cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Câu 14. Một trong ưu tiên hàng đầu để phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản nước ta là:

- A.tập trung khai thác ven bờ B.phát triển khai thác xa bờ
C.hình thành các cảng cá lớn D.mở rộng ngành chế biến

Câu 15.Việc đẩy mạnh khai thác hải sản ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa lớn về an ninh quốc phòng là

- A.mang lại hiệu quả kinh tế cao
B.giúp bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ có nguy cơ bị cạn kiệt
C.góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo
D.khai thác hiệu quả các nguồn lợi hải sản

Câu 16. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là

- A.Du lịch an dưỡng. B.Du lịch thể thao dưới nước.
C.Du lịch biển - đảo. D.Du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 17.Nghề làm muối phát triển mạnh ở duyên hải Nam Trung Bộ là do

- A.nước biển mặn, khí hậu nhiều nắng, ít mưa
B.địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho việc phơi muối
C.người dân có kinh nghiệm sản xuất muối hơn các vùng khác
D.giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ muối

Câu 18. Hậu quả nghiêm trọng nhất do ô nhiễm môi trường biển gây ra là

- A.Suy giảm tài nguyên biển B.ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn
C.tác động đến thu nhập người dân D.giảm chất lượng hoạt động du lịch biển

Câu 19.Ngành kinh tế biển mang lại giá trị kinh tế cao nhất hiện nay là gì?

- A.Khai thác nuôi trồng thủy hải sản C.Du lịch biển đảo
B.Khai thác dầu khí D.Giao thông vận tải biển

Câu 20. Các mỏ nào sau đây không phải là mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta?

- A.Đại Hùng B.Bạch Hổ C.Hồng Ngọc D.Lan Đỏ

Câu 21. Khu bảo tồn được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên biển thế giới là
A. Côn Đảo B. Vịnh Hạ Long C. Bái Tử Long D. Vịnh Cam Ranh

Câu 22. Đảo lớn nhất Việt Nam là

A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo

Câu 23. Ý nghĩa của các đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. Có nhiều tài nguyên hải sản.
B. Có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
C. Là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
D. Thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

Câu 24. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây

A. Bắc Bộ. B. Duyên hải miền Trung. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 25. Cảng biển lớn nhất phía Bắc nước ta là

A. Vũng Tàu B. Vân Phong C. Quảng Ninh D. Hải Phòng

Câu 26. Chim yến tập trung nhiều trên các đảo đá ven bờ ở

A. Bắc trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Đb sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 27. Trong quá trình khai thác thủy hải sản, không nên đánh bắt ven bờ là do:

- A. cá nhỏ B. cạn kiệt nguồn giống
C. làm ô nhiễm môi trường D. ảnh hưởng đến các hoạt động khác.

Câu 28. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. Tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo
B. Giải quyết nhiều việc làm cho người lao động
C. Hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển
D. Tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường

Câu 29. Hòn đảo nào nổi tiếng về các vườn hồ tiêu và chế biến nước mắm ngon

A. Cát Bà B. Phú Quốc C. Côn Đảo D. Thổ Chu

Câu 30. Quần đảo thuộc tỉnh Quảng Ninh được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển đa dạng là

A. Cát Bà B. Bạch Long Vĩ C. Cái Bầu D. Cô Tô



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Lưu Hoàng Trang

NTCM

Hoàng Thị Liên

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức từ tuần 19 đến tuần 28 :

- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân
- Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế
- Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.
- Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân
- Quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân

2. Câu hỏi trọng tâm:

Câu 1: Thế nào là quyền tự do kinh doanh, nêu một số hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực mà em biết?

Câu 2: Thuế là gì? Nêu vai trò và ý nghĩa của Thuế? Vì sao công dân phải thực hiện đóng thuế?

Câu 3: Lao động là gì? Lao động có vai trò gì đối với cá nhân và xã hội? Kể tên một số hoạt động lao động mà em biết?

Câu 4: Khái niệm, phân loại vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân? Quy định của pháp luật và trách nhiệm của công dân, học sinh về việc thực hiện trách nhiệm pháp lí?

Câu 5: Khái niệm, quy định của pháp luật và trách nhiệm của công dân về quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân

II. Phần 2 Một số dạng bài tập minh họa :

Bài tập trắc nghiệm: HS chọn một đáp án đúng nhất trong 4 đáp án ở mỗi câu hỏi về lí thuyết hoặc xử lí tình huống, ví dụ:

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, thời gian làm việc của lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi là không quá:

- A. 7 giờ/ngày và 35 giờ/tuần B. 6 giờ/ngày và 30 giờ/tuần.
C. 5 giờ/ngày và 25 giờ/tuần D. 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

Câu 2: Nhà nước ta quy định mức thuế cao với mặt hàng nào sau đây?

- A. Rượu . B. Thuốc lá điều. C. Nước sạch. D. Xăng các loại.

Câu 3: Hành vi nào dưới đây vi phạm luật lao động?

- A. Ngược đãi người lao động. B. Trừ tiền thưởng vì lí do muộn giờ làm.
C. Trách móc người lao động. D. Sử dụng người lao động 20 tuổi.

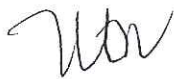
Câu 4. Quyền lao động được Hiến pháp quy định tại Điều :

- A. Điều 33 Hiến pháp 2013 B. Điều 35 Hiến pháp 2013
C. Điều 25 Hiến pháp 2013 D. Điều 32 Hiến pháp 2013

Câu 5: Nguyên tắc trong giao kết hợp đồng lao động là:

- A. dân chủ, công bằng, tiến bộ. B. tự giác, trách nhiệm, tận tâm.
C. tự do, tự nguyện, bình đẳng. D. tích cực, chủ động, tự quyết.

Nhóm trưởng



Phùng Thị Vui

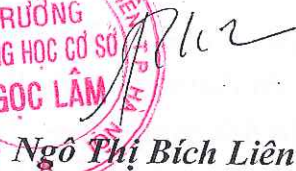
TTCM



Lưu Hoàng Trang



BGH duyệt



Ngô Thị Bích Liên

PART 1: KNOWLEDGE

1. Vocabulary

- Words and phrases related to the topic: Recipes and Eating habits (Unit7), Tourism (Unit 8), English in the world (Unit9), Space Travel (Unit 10).

2. Grammar

- Quantifiers
- Conditional sentences: Type 1, 2
- Articles
- Adverbial clauses
- Compound nouns
- Relative clauses (defining relative clauses)
- Tense (active and passive)
- Reported speech

3. Phonetics

Pronunciation and word stress in Grade 9

4. Everyday English

PART 2: EXERCISES

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following sentence

1. A. mission B. space C. sense D. universe
2. A. languages B. telescopes C. researches D. packages
3. A. variety B. bilingual C. simmer D. dialect

Circle the letter A, B, C or D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions.

4. A. meteorite B. delicious C. galaxy D. holiday
5. A. orbit B. approach C. tender D. rusty
6. A. experiment B. flexible C. openness D. financial

Circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the following questions

7. Is the first of March the day _____ the astronaut will come and give a speech at our school?
A. that B. what C. which D. when
8. When we were on holiday, we spend too _____ money.
A. a lot of B. many C. much D. lots of
9. Keeping a _____ for a few days will help you discover your bad eating habits.
A. food dairy B. report C. diary D. personal
10. Some of my friends sometimes skip breakfast _____ they get up late in the morning.
A. because of B. although C. in spite of D. because
11. There were a long queue at the _____ and customers were getting impatient.
A. stopover B. take-off C. departure lounge D. check-out
12. When we _____, the flight _____ off.
A. came / took B. had come/ took C. came / had taken D. had come / had taken
13. If parents don't cook at home, their children _____ more fast food.
A. may have B. had had C. have D. would have
14. At the night the ISS can easily be seen from the Earth, as it flies at the _____ of 320 kilometres above us.

A. level B. altitude C. attitude D. height

15. If you get _____ when speaking, take two deep breaths before you say something.

A. annoyed B. nervous C. pleased D. unwilling

16. If I _____ a baby, I _____ all of the time.

A. am - will cry B. were - would have cried

C. be - would cry D. were - might cry

17. I can just about get _____ in Italian.

A. on B. in C. without D. by

18. Are you someone who can read and write well in English but cannot speak _____?

A. fluent B. fluently C. fluency D. more fluency

19. As soon as the space craft _____ into space, the crew started to observe the sun

A. traveled B. has traveled C. had traveled D. was traveling

Circle the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

20. This is the room in where we are having an English lesson this evening.

A. is B. in where C. are having D. this evening

21. We can hire a minibus if there will be enough people.

A. can hire B. a C. if D. will be

22. If you decide to start the trip, you must reserve a seat in advance on planes or trains.

A. the B. a C. on D. or

23. Sleeping, resting, and to drink fruit juice are the best ways to care for a cold.

A. Sleeping B. to drink C. juice D. best ways

24. Viet Nam, a developing country, used to being male-dominated.

A. developing B. used C. being D. male-dominated

Circle the letter A, B C or D to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:

25. If you book tickets early, you can get a discount.

A. award B. prize C. deduction D. increase

26. No wonder my sister is over the moon: she's been accepted to the university.

A. delighted B. occasional C. depressed D. tolerant

Circle the letter A, B C or D to indicate the word OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions:

27. Her style of painting has been imitated by many other artists.

A. copied B. judged C. commented D. denied

28. Beginning students know only a few English words. Advanced students know a lot.

A. excellent B. intelligent C. basic D. complex

Circle the letter A, B, C or D to indicate the most suitable response to each of the following exchanges.

29. Minh: "I'm afraid I won't make the right decision"

Hoa: "_____. Why don't you ask your parents for advice?"

A. No worries B. Cool C. I do too D. I'm not sure

30. A: "I think we should take a shower instead of a bath to save energy."

B: "_____"

A. Yes, I'd love to. B. I'm sorry. I can't. C. Yes, thank you. D. Great! Let's do that.

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct word that best fits each of the numbered blanks.

In the early years of television, educational specialists believed that it would be very useful
(31)_____ teaching and learning. Many schools have bought television sets with the hope that teachers can

(32)_____ full advantage of them to improve the quality of education; but actually, they are rarely used properly in classrooms. (33)_____ children spend the majority of their out-of-school hours watching TV and their typical school days proceed as if television did not exist.

There are some explanations for the failure of television to get the interest of the teachers. Firstly, the schools (34)_____ purchased television sets have not set aside money for equipment repairs and maintenance, so these television sets are sooner or later out of work. Secondly, these schools have not found an (35)_____ way to train teachers to integrate television into their ongoing instructional programs. Lastly, most teachers do not regard the quality of television and its usefulness in the classroom.

- | | | | |
|----------------|--------------|----------------|------------------|
| 31. A. in | B. on | C. for | D. with |
| 32. A. take | B. get | C. do | D. make |
| 33. A. However | B. Therefore | C. Moreover | D. Nevertheless |
| 34. A. who | B. when | C. that | D. whose |
| 35. A. effect | B. effective | C. effectively | D. effectiveness |

Read the following passage and circle the letter A, B, C or D to indicate the correct answer to each of the questions

A Mission to Mars

Have you ever had a dream about traveling to another planet in our solar system? If you have, there is an actual programme that is happening right now, and it hopes to send people to Mars in 2023. Known as the Mars One Mission, it will send a crew of four people on a one-way mission to colonize Mars. Those chosen people will have to be ready to say good-bye to the earth forever, as there will not be a return trip.

For the people chosen, they will have to learn to do many different things. First of all, they will be living the rest of their lives with just a handful of other people, so they all must have personalities that allow them to get along. Second, the living quarters that they will have won't be very spacious, so they will have to deal with that condition as well. If they feel homesick, they will only be able to communicate with people back on the earth via e-mail and videos and audio sent back and forth. However, there won't be any real-time communication. Even at the speed of light, communication between the earth and Mars takes about 20 minutes.

Whether the Mars One Mission will actually happen is the big question that a lot of people are asking. There is an enormous skepticism in the science community, and *Wired* magazine gave the mission a miserable score of two out of ten on its probability scale. However, for those who dream to go to Mars, at least they can say there is a possibility that it could happen.

36. What will NOT happen to the people who go on the Mars One Mission?

- A. They will live in quarters that don't have a lot of space inside.
- B. They will return to the earth.
- C. They will communicate with people on the earth.
- D. They will have to live with other people.

37. Which of the following is considered miserable?

- A. A personality of people taking part in the programme.
- B. A mission of astronauts to the ISS.
- C. A crew on board of the Mars One Mission.
- D. A score of the programme on the probability scale.

38. How long will it take for a message to come back from Mars?

- A. Almost immediately.
- B. About an hour.
- C. Around 20 minutes.
- D. Only a few seconds.

39. What will NOT be spacious?

- A. The mission.
- B. The living quarters.
- C. The spaceship.
- D. The magazines.

40. Who might like to go on this mission?

A. People with angry personalities.

B. people who don't like to communicate.

C. People who get along with others.

D. People who get homesick easily.

Circle the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following sentence

41. *He often eats fast food and drinks soft drink, so he puts on weight quickly.*

A. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he won't put on weight quickly.

B. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he will put on weight quickly.

C. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he won't be put on weight quickly.

D. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he will be put on weight quickly.

42. *"Which dress are you wearing to the party tonight, Jessica?"*

A. I asked Jessica about the dress she was wearing to the party tonight.

B. I asked Jessica which dress she is wearing to the party tonight.

C. I wanted to know which dress Jessica was wearing to the party that night.

D. I wanted to know which dress you were wearing to the party that night.

43. *Eric made breakfast and then phoned his friend Mark.*

A. After Eric made breakfast and then phoned his friend Mark.

B. After Eric had made breakfast, he phoned his friend Mark.

C. After Eric made breakfast, he had phoned his friend Mark.

D. After Eric made breakfast and he would phone his friend Mark.

44. *Sarah is a successful female politician. She studied with me in the same class.*

A. Sarah who studied with me in the same class is a successful female politician.

B. Sarah, who studied with me in the same class, is a successful female politician.

C. Sarah, that studied with me in the same class, is a successful female politician.

D. Sarah who is a successful female politician studied with me in the same class,

45. *Five students will be rewarded a present. Their test results are excellent.*

A. Five students who test results are excellent will be awarded a present.

B. Five students whose test results are excellent will be awarded a present.

C. Five students whom test results are excellent will be awarded a present.

D. Five students which test results are excellent will be awarded a present.

Circle the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is built from the words and phrases given

46. *In past / people / think / we / never able / reach Moon.*

A. In the past, people thought we would never be able to reach the Moon.

B. In the past, people thought we will never be able to reach Moon.

C. In the past, people think we will never be able to reach Moon.

D. In the past, people think we will never be able to reach the Moon

47. *English / main language / instruction / international students / universities / colleges.*

A. English is main language in instruction for international students in universities and colleges.

B. English is main language for instruction for international students in universities and colleges.

C. English is main language of instruction for international students in universities and colleges.

D. English is main language with instruction for international students in universities and colleges.

48. *become/ astronaut/ need/ hard/ special/ training.*

A. To become an astronaut, you need very hard and special training.

B. To become an astronaut, you need very hard special training.

C. Becoming an astronaut, you need hard but special training.

D. Becoming an astronaut, you need very hard and special training.

49. *Most meals / served / extra soy sauce / fish sauce.*

- A. Most meals are served with extra soy sauce and fish sauce.
- B. Most meals is served with extra soy sauce and fish sauce.
- C. Most meals is being served with extra soy sauce and fish sauce.
- D. Most meals served with extra soy sauce and fish sauce.

50. *some / towns / and / countries / usually / become / overcrowded /with/ tourists / at /summer time /.*

- A. Some towns and countries usually become overcrowded in tourists at summer time.
- B. Some towns and countries usually become overcrowded on tourists at summer time.
- C. Some towns and countries usually become overcrowded with tourists at summer time.
- D. Some towns and countries usually become overcrowded for tourists at summer time



Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thùy Chi

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM

TỔ: Anh – Năng khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KỲ - HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2023-2024

MÔN: Mỹ Thuật

KHỐI: 9

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

- Kiến thức về cách tranh theo đề tài
- Kiến thức về cách sắp xếp bố cục, họa tiết, màu sắc trong trang trí ứng dụng và thiết kế trang phục.

II. Phần 2: Đề bài minh họa

Đề bài 1: Em hãy vẽ một bức tranh đề tài: Cuộc sống quanh em. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.

Đề bài 2: Em hãy trang trí một đường diềm với họa tiết thời Lý theo ý thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.

Đề bài 3: Em hãy thiết kế một trang phục mà em thích. Thể hiện trên khổ giấy A3, A4 . Chất liệu màu tự chọn.



Ban Giám Hiệu

Ngô Thị Bích Liên

TTCM

Nguyễn Thị Quỳnh Diệp

NTCM

Vũ Hồng Tâm

Trường THCS Ngọc Lâm

Tổ Anh – Năng Khiếu

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ II – MÔN THỂ DỤC
NĂM HỌC 2023 – 2024
KHỐI 9

I. Kiến thức cần ôn

1. Ôn tập nội dung: Đá Cầu
2. Ôn tập nội dung: TTTC (Cầu Lông)

II. Kỹ năng - kỹ thuật cần đạt

- Thực hiện đúng kỹ thuật và động tác phát cầu cao chân chính diện bằng mu bàn chân
- Thực hiện kỹ thuật phát cầu thuận tay và kỹ thuật phát cầu trái tay

III. Hình thức kiểm tra

- Thực hành tại nhà thể chất hoặc sân trường



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Nguyễn Quỳnh Diệp

Nhóm trưởng CM

Đinh Lý Huỳnh

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN

NỘI DUNG ÔN TẬP CUỐI KÌ
HỌC KÌ: II – NĂM HỌC: 2023-2024
MÔN: VẬT LÝ - KHỐI: 9

PHẦN 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 28

2. Một số câu hỏi trọng tâm

Câu 1: Thế nào là dòng điện xoay chiều? Trình bày cấu tạo và hoạt động của máy phát điện xoay chiều?

Câu 2: Nêu công thức tính công suất hao phí trong quá trình truyền tải điện?

Câu 3: Trình bày cấu tạo và hoạt động của máy biến thế?

Câu 4: Hiện tượng khúc xạ ánh sáng là gì?

Câu 5: So sánh về đặc điểm, đường truyền của các tia sáng đặc biệt qua thấu kính hội tụ và thấu kính phân kì? Nêu tính chất ảnh tạo bởi thấu kính hội tụ và thấu kính phân kì?

Câu 6: Nêu cấu tạo của mắt? Điểm cực cận, điểm cực viễn?

Câu 7: Trình bày các tật khúc xạ của mắt: Mắt cận, mắt lão?

Câu 8: Trình bày cấu tạo kính lúp, tác dụng của kính lúp, công thức số bội giác?

PHẦN 2: Một số bài tập minh họa

1. Bài tập trắc nghiệm

Câu 1: Máy phát điện xoay chiều bắt buộc phải gồm các bộ phận chính nào để tạo ra dòng điện?

A. Nam châm vĩnh cửu và sợi dây dẫn nối hai cực nam châm

B. Nam châm điện và sợi dây dẫn nối nam châm với đèn

C. Cuộn dây dẫn và nam châm

D. Cuộn dây dẫn và lõi sắt

Câu 2: Tác dụng từ của dòng điện thay đổi như thế nào khi dòng điện đổi chiều?

A. Không có tác dụng từ

B. Tác dụng từ mạnh lên gấp đôi

C. Tác dụng từ giảm đi

D. Lực từ đổi chiều

Câu 3: Trên một đường dây tải đi một công suất điện xác định với hiệu điện thế là 100000V. Phải dùng hiệu điện thế ở hai đầu đường dây là bao nhiêu để công suất hao phí vì tỏa nhiệt giảm đi bốn lần?

A. 50000V

B. 100000V

C. 150000V

D. 200000V

Câu 4: Máy biến thế dùng để

A. giữ hiệu điện thế ổn định, không đổi

B. giữ cường độ dòng điện ổn định, không đổi

C. làm tăng hoặc giảm hiệu điện thế

D. làm tăng hoặc giảm cường độ dòng điện

Câu 5: Để sử dụng thiết bị có hiệu điện thế định mức 24V ở nguồn điện có hiệu điện thế 220V phải sử dụng máy biến thế có hai cuộn dây với số vòng dây tương ứng là

A. Sơ cấp 3458 vòng, thứ cấp 380 vòng

B. Sơ cấp 380 vòng, thứ cấp 3458 vòng

C. Sơ cấp 360 vòng, thứ cấp 3300 vòng

D. Sơ cấp 3300 vòng, thứ cấp 360 vòng

Câu 6: Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc tới (i) là góc tạo bởi

A. tia tới và pháp tuyến tại điểm tới.

B. tia khúc xạ và tia tới.

C. tia tới và mặt phân cách

D. tia tới và điểm tới

Câu 7: Một cốc thủy tinh trong, đáy phẳng, đựng nước trong suốt, được đặt trên một tờ giấy có chữ A. Một người đặt mắt nhìn theo phương thẳng đứng, nhìn chữ A đó qua nước trong cốc. Hỏi tia sáng truyền từ chữ A đến mắt chịu bao nhiêu lần khúc xạ?

A. Một lần

B. Hai lần

C. Ba lần

D. Bốn lần

Câu 8: Thấu kính hội tụ có đặc điểm và tác dụng nào dưới đây?

A. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

B. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

C. Có phần giữa dày hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

D. Có phần giữa dày hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

Câu 9: Vật sáng AB đặt trước 1 thấu kính phân kì có tiêu cự 12cm một khoảng là 20cm. Tính khoảng cách từ ảnh đến thấu kính?

A. 11cm.

B. 11,5cm.

C. 8cm.

D. 7,5cm.

Câu 10: Ảnh của một vật sáng đặt ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 16\text{cm}$. Có thể thu được ảnh nhỏ hơn vật tạo bởi thấu kính này khi đặt vật cách thấu kính

A. 16cm.

B. 32cm.

C. 48cm.

D. 8cm.

Câu 11: Chiếu một tia sáng qua quang tâm của một thấu kính phân kì, theo phương không song song với trục chính. Tia sáng ló ra khỏi thấu kính sẽ có phương như thế nào?

A. Phương bất kì

B. Phương lệch ra xa trục chính của thấu kính

C. Cùng với phương của tia sáng tới

D. Phương lệch lại gần trục chính của thấu kính

Câu 12: Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì

A. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.

B. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.

C. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.

D. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.

Câu 13: Bộ phận quan trọng nhất của mắt là

A. thể thủy tinh và thấu kính.

B. thể thủy tinh và màng lưới.

C. màng lưới và võng mạc.

D. con ngươi và thấu kính.

Câu 14: Khi nhìn rõ một vật thì ảnh của vật đó nằm ở

A. thể thủy tinh của mắt.

B. võng mạc của mắt.

C. con ngươi của mắt.

D. lòng đen của mắt.

Câu 15: Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mà khi đặt vật tại đó mắt điều tiết mạnh nhất mới nhìn rõ.

B. Điểm cực cận là điểm gần nhất mà khi đặt vật tại đó mắt không điều tiết vẫn nhìn rõ được.

C. Không thể quan sát được vật khi đặt vật ở điểm cực viễn của mắt.

D. Khi quan sát vật ở điểm cực cận, mắt phải điều tiết mạnh nhất.

Câu 16: Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

- A. trùng với điểm cực cận của mắt.
- B. trùng với điểm cực viễn của mắt.
- C. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.
- D. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.

Câu 17: Tác dụng của kính cận là để

- A. tạo ảnh ảo nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.
- B. tạo ảnh ảo nằm trong khoảng cực viễn của mắt.
- C. tạo ảnh thật nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.
- D. tạo ảnh thật nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

Câu 18: Mắt cận có điểm cực viễn

- A. ở rất xa mắt.
- B. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- C. gần mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- D. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt lão.

Câu 19: Kính lúp là thấu kính hội tụ có

- A. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.
- B. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.
- C. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.
- D. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.

Câu 20: Số ghi trên vành của một kính lúp là 5x. Tiêu cự kính lúp có giá trị là

- A. $f = 5\text{m}$
- B. $f = 5\text{cm}$
- C. $f = 5\text{mm}$
- D. $f = 5\text{dm}$

2. Bài tập tự luận:

Câu 1: Một vật sáng $AB = 2\text{cm}$ dạng mũi tên đặt vuông góc với trục chính ($A \in \Delta$) của một thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 12\text{cm}$. Vật đặt cách thấu kính 18cm . Hãy dựng ảnh $A'B'$ của vật sáng AB qua thấu kính và nêu đặc điểm của ảnh?

Câu 2: Một vật sáng $AB = 2\text{cm}$ dạng mũi tên đặt vuông góc với trục chính ($A \in \Delta$) của một thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 20\text{cm}$. Vật đặt cách thấu kính 15cm . Hãy dựng ảnh $A'B'$ của vật sáng AB qua thấu kính và nêu đặc điểm của ảnh?

Câu 3: Một vật sáng $AB = 4\text{cm}$ dạng mũi tên đặt vuông góc với trục chính ($A \in \Delta$) của một thấu kính phân kỳ có tiêu cự $f = 8\text{cm}$. Vật đặt cách thấu kính 12cm . Hãy dựng ảnh $A'B'$ của vật sáng AB qua thấu kính và nêu đặc điểm của ảnh?



BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

A blue ink signature.

Đỗ Minh Phương

Nhóm trưởng CM

A blue ink signature.

Nguyễn Thu An

I. Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 28
2. Một số kiến thức trọng tâm:
 - Đặc điểm cấu tạo phân tử hợp chất hữu cơ. Dầu mỏ - Khí thiên nhiên - Nhiên liệu.
 - Cấu tạo, tính chất hóa học, điều chế các hidrocarbon: Metan, Etilen, Axetilen.
 - Cấu tạo, tính chất hóa học, điều chế các dẫn xuất của hidrocarbon: Ancol etylic, Axit axetic.

II. Phần 2: Một số dạng bài tập minh họa

Dạng I. Bài tập trắc nghiệm: Hãy khoanh tròn trước các phương án đúng

Câu 1. Phản ứng hóa học đặc trưng của metan là

- A. Phản ứng thế. B. Phản ứng cộng. C. Phản ứng trùng hợp. D. Phản ứng phân hủy.

Câu 2. Phản ứng hóa học đặc trưng của etilen là

- A. Phản ứng thế. B. Phản ứng cộng. C. Phản ứng trùng hợp. D. Phản ứng phân hủy.

Câu 3. Chất ứng với công thức cấu tạo nào sau đây có phản ứng lên men giấm?

- A. $\text{CH}_3 - \text{CH}_3$ B. $\text{CH}_3 - \text{O} - \text{CH}_3$ C. $\text{CH}_2 = \text{CH}_2$ D. $\text{C}_2\text{H}_5 - \text{OH}$

Câu 4. Cho các chất: $\text{CH}_3 - \text{CH}_3$; $\text{CH}_3 - \text{O} - \text{CH}_3$; $\text{CH}_3 - \text{CH}_2 - \text{OH}$; $\text{CH}_3 - \text{COOH}$. Số chất tác dụng được với Na là

- A. 1. B. 2 C. 3 D. 4.

Câu 5. Có các chất sau: CH_4 ; $\text{CH}_3 - \text{CH}_3$; $\text{CH}_2 = \text{CH}_2$; $\text{CH}_2 = \text{CH} - \text{CH}_3$. Số chất làm mất màu dung dịch brom là

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6. Hidrocarbon X khi cháy tuân theo PTHH: $\text{X} + 2\text{O}_2 \rightarrow \text{CO}_2 + 2\text{H}_2\text{O}$. CTPT của X là

- A. CH_4 . B. C_2H_2 . C. C_2H_4 . D. C_6H_6 .

Câu 7. Cho mẫu Na vào ống nghiệm đựng rượu etylic, hiện tượng quan sát được là

- A. Có bọt khí thoát ra, mẫu natri tan dần. B. Mẫu natri tan dần, không có sủi bọt khí.
C. Có bọt khí thoát ra, mẫu natri không tan. D. Có khí màu nâu thoát ra, mẫu natri tan.

Câu 8. Dãy chất nào sau đây chỉ chứa các hidrocarbon?

- A. CH_4 ; C_2H_4 ; C_2H_2 . B. $\text{C}_2\text{H}_2\text{Br}_4$; $\text{C}_6\text{H}_5\text{Br}$; CO_2 .
C. $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$; $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$; C_2H_2 . D. CH_3Cl ; C_2H_4 ; C_3H_8 .

Câu 9. Dãy chất nào sau đây chỉ chứa các dẫn xuất của hidrocarbon?

- A. C_2H_2 ; CO_2 ; $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$. B. NaHCO_3 ; CH_3Cl ; $\text{C}_2\text{H}_4\text{Br}_2$.
C. $\text{C}_6\text{H}_5\text{Br}$; $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$; C_6H_6 . D. CH_3Cl ; $\text{C}_6\text{H}_{12}\text{O}_6$; CH_3NO_2 .

Câu 10. Dãy chất nào sau đây làm mất màu dung dịch brom?

- A. CH_4 ; C_2H_4 B. $\text{C}_2\text{H}_4\text{Br}_2$; CO_2 . C. C_2H_4 ; C_2H_2 . D. CH_3Cl ; C_2H_4

Câu 11. Đốt cháy hoàn toàn 16,8 gam hợp chất hữu cơ A thu được 26,88 lít khí CO_2 (đktc) và 21,6 gam nước. Biết 0,125 mol A nặng 3,5 gam. Hợp chất A là

- A. C_3H_6 B. C_2H_4 C. C_2H_6 D. CH_4

Câu 12. Trong môi trường có axit sulfuric đặc nóng, axit axetic tác dụng với rượu etylic (phản ứng vừa đủ), tạo sản phẩm là

- A. natri etylat. B. natri axetat. C. etyl axetat. D. kali axetat.

Câu 13. Đặc điểm nào sau đây là đúng?

- A. Dầu mỏ tan nhiều trong nước. B. Dầu mỏ chìm dưới nước.

C. Dầu mỏ không tan trong nước.

D. Dầu mỏ có t^0 sôi = 220^0C .

Câu 14. Đốt cháy 4,6g rượu etylic. Thể tích khí oxi(đktc) cần dùng cho phản ứng trên là

A. 6,72(lít).

B. 16,8(lít).

C. 7,84(lít).

D. 13,44(lít).

Câu 15. Độ rượu là

A. số mol rượu etylic có trong 100ml hỗn hợp rượu với nước.

B. số lít rượu etylic có trong 100ml hỗn hợp rượu với nước.

C. số ml rượu etylic có trong 100ml hỗn hợp rượu với nước.

D. số ml rượu etylic có trong 1000ml hỗn hợp rượu với nước.

Câu 16. Thành phần chính của khí thiên nhiên là

A. metan.

B. etilen.

C. butan và etilen.

D. metan và butan.

Câu 17. Số ml rượu etylic có trong 100 ml rượu 45^0 là

A. 45ml.

B. 200ml.

C. 50ml.

D. 100ml.

Câu 18. Cho một mẫu đá vôi nhỏ vào một cốc đựng giấm ăn, hiện tượng quan sát được là

A. có sủi bọt khí, cục đá vôi tan dần.

B. có khí màu nâu đỏ bay ra.

C. cốc đựng giấm bị vỡ đục.

D. không xảy ra hiện tượng gì.

Câu 19. Dãy chất có phản ứng cháy sinh ra CO_2 và H_2O là

A. CH_4 ; C_2H_4 ; C_2H_6

B. BaCO_3 ; NaHCO_3 ; K_2CO_3

C. CH_4 ; CO_2 ; CH_3Cl

D. CH_4 ; $\text{C}_2\text{H}_6\text{O}$; $\text{C}_2\text{H}_4\text{Br}_2$

Câu 20. Dẫn 3,36 lít khí etilen (đktc) qua dung dịch Brom thấy mất màu 150ml dung dịch Brom. Nồng độ mol của dung dịch Brom là

A. 2M

B. 0,5M

C. 1M

D. 1,5M

Dạng II. Bài tập tự luận

Câu 1:

a) Đốt cháy hoàn toàn m gam một hidrocarbon X, thu được 26,4 gam CO_2 và 10,8 gam nước. Tính giá trị của m?

b) Đốt cháy 12,4g hợp chất hữu cơ A, thu được 17,6g CO_2 và 10,8g H_2O . Xác định công thức phân tử chất hữu cơ A.

Câu 2:

Khái niệm độ rượu? Công thức tính độ rượu? Tính số ml rượu nguyên chất có trong 50ml rượu 40^0 ?

Câu 3:

a) Cho các chất: K_2SO_4 , $\text{Mg}(\text{OH})_2$, CaCO_3 , Cu, Zn, CuO, $\text{C}_2\text{H}_5\text{OH}$. Viết PTHH xảy ra(nếu có) giữa axit axetic và các chất?

b) Cho sơ đồ phản ứng sau: $\text{A} \xrightarrow[+ \text{H}_2\text{O}]{\text{xúc tác}} \text{CH}_3 - \text{CH}_2 - \text{OH} \xrightarrow[\text{Men giấm}]{+ \text{O}_2} \text{B}$. Xác định A, B?

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGOC LAM
KHUẤT THỊ MỸ HẠNH

Tổ trưởng

Đỗ Minh Phương

Nhóm trưởng

Đỗ Thị Thanh Hương

Phần 1: Nội dung kiến thức cần ôn tập

1. Các đơn vị kiến thức đã học từ tuần 19 đến hết tuần 28.
2. Một số kiến thức trọng tâm
 - Di truyền học người
 - Ứng dụng di truyền học
 - Sinh vật và môi trường

Phần 2. Bài tập minh họa

I. Phần trắc nghiệm

Câu 1. Để tạo ưu thế lai ở vật nuôi, con người chủ yếu sử dụng phương pháp nào?

- A. Lai kinh tế
- B. Lai khác dòng kép
- C. Lai khác dòng đơn
- D. Giao phối gần

Câu 2. Phát biểu nào sau đây **không đúng**

- A. Các sinh vật cùng loài sống gần nhau, liên hệ với nhau, hình thành nên nhóm cá thể.
- B. Khi số lượng cá thể quá đông thì có hiện tượng tách bầy làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.
- C. Phi lao ở ven biển sống chụm thành nhóm có tác dụng làm giảm sự thoát hơi nước, hạn chế sức thổi của gió nên cây không bị đổ.
- D. Chó sói sống thành bầy đàn giúp chúng tìm kiếm thức ăn nhiều hơn, phát hiện kẻ thù sớm hơn và tự vệ tốt hơn.

Câu 3. Phép lai nào dưới đây tạo ra ưu thế lai lớn nhất?

- A. AaBbDd x AaBbDd.
- B. aaBBdd x AaBBdd
- C. AABBDd x aaBBDd
- D. AAbbDD x aaBBdd

Câu 4. Ngành có chức năng chẩn đoán, cung cấp thông tin và cho lời khuyên có liên quan đến các bệnh, tật di truyền ở người được gọi là

- A. di truyền và sinh lí học
- B. di truyền y học tư vấn
- C. giải phẫu học
- D. di truyền học

Câu 5. Một số loài sinh vật không bị thoái hoá khi tự thụ phấn hay giao phối cận huyết vì

- A. chúng thích nghi với cách tự thụ phấn hay giao phối cận huyết.
- B. chúng mang các cặp gen dị hợp.
- C. chúng mang cả các cặp gen đồng hợp và dị hợp.
- D. chúng mang các cặp gen đồng hợp không gây hại cho chúng.

Câu 6. Bệnh câm điếc bẩm sinh là bệnh do

- A. Đột biến gen lặn trên NST thường.
- B. Đột biến gen lặn trên NST giới tính.
- C. Đột biến gen trội trên NST giới tính.
- D. Đột biến gen trội trên NST thường.

Câu 7. Nhân tố sinh thái hữu sinh gồm các nhân tố nào sau đây?

- A. Thực vật, động vật, nhiệt độ.
- B. Động vật, thực vật, vi sinh vật.
- C. Ánh sáng, độ ẩm, thực vật.
- D. Vi sinh vật, ánh sáng, độ ẩm.

Câu 8. Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước (1), nhiệt độ không khí (2), kiến (3), ánh sáng (4), rắn hổ mang (5), cây gỗ (6), gỗ mục (7), sâu ăn lá cây (8).

Những nhân tố nào thuộc nhóm nhân tố sinh thái vô sinh?

- A. (1), (2), (5), (6)
- B. (1), (3), (4), (7)
- C. (3), (5), (6), (8).
- D. (1), (2), (4), (7)

Câu 9. Người bị hội chứng Đào có số lượng NST trong tế bào sinh dưỡng là bao nhiêu?

- A. 44 chiếc.
- B. 46 chiếc.
- C. 47 chiếc.
- D. 45 chiếc.

Câu 10. Chim bồ câu, chim cu gáy khi giao phối cận huyết không có hiện tượng thoái hóa do chúng mang cặp gen

- A. Đồng hợp không gây hại.
- B. Dị hợp không gây hại.
- C. Đồng hợp lặn gây hại.
- D. Đồng hợp trội gây hại.

Câu 11. Khẳng định nào sau đây là **không đúng** về giới hạn sinh thái

- A. Mỗi loài có một giới hạn sinh thái riêng về một nhân tố sinh thái.
- B. Là giới hạn mà ở đó cơ thể tồn tại và phát triển ổn định theo thời gian
- C. Vượt qua giới hạn sinh thái, sinh vật sẽ chậm phát triển thậm chí là chết.
- D. Giới hạn sinh thái rộng, sinh vật phân bố hẹp và ngược lại.

Câu 12. Yếu tố nào dưới đây dẫn đến các cá thể cùng loài phải tách nhóm

- A. Số lượng cá thể trong bầy tăng lên quá cao.
- B. Vào mùa sinh sản, các cá thể khác giới tìm về với nhau.
- C. Nguồn thức ăn trong môi trường dồi dào.
- D. Chỗ ở đầy đủ, thậm chí thừa thãi cho các cá thể.

Câu 13: Đặc trưng quan trọng nhất của quần thể sinh vật là

- A. mật độ quần thể.
- B. tỉ lệ giới tính.
- C. thành phần nhóm tuổi.
- D. tỉ lệ sinh sản.

Câu 14: Một hệ sinh thái hoàn chỉnh bao gồm những thành phần chủ yếu nào sau đây?

- A. Thành phần vô sinh, thành phần hữu cơ, thành phần vô cơ.
- B. Động vật, thực vật, vi sinh vật
- C. Sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.
- D. Thành phần vô sinh, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ, sinh vật phân giải.

Câu 15: Tập hợp các sinh vật nào sau đây được gọi là một quần xã?

- A. Bầy sói ở trong rừng
- B. Đàn hải âu ở biển
- C. Đồi cọ ở Vĩnh Phúc
- D. Đàn trâu, đàn bò ở trong rừng

Câu 16: Hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã dẫn đến hệ quả nào sau đây?

- A. Đảm bảo cân bằng sinh thái
- B. Làm cho quần xã không phát triển được
- C. Làm mất cân bằng sinh thái
- D. Đảm bảo khả năng tồn tại của quần xã

Câu 17: Sinh vật tiêu thụ gồm những nhóm sinh vật nào sau đây?

- A. Động vật ăn thịt bậc 1, động vật ăn thịt bậc 2, thực vật.
- B. Động vật ăn thịt bậc 2, động vật ăn thực vật, thực vật.
- C. Động vật ăn thực vật, động vật ăn thịt bậc 1, động vật ăn thịt bậc 2.
- D. Thực vật, động vật, ăn thịt bậc 2, động vật ăn thực vật.

Câu 18: Lưới thức ăn là

- A. Chỉ có một chuỗi thức ăn.
- B. Gồm một số loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau.
- C. Gồm các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung.
- D. Gồm ít nhất là một chuỗi thức ăn trở lên.

Câu 19: Một quần thể hươu có số lượng cá thể ở các nhóm tuổi như sau:

- Nhóm tuổi trước sinh sản: 25 con/ha
- Nhóm tuổi sinh sản: 45 con/ha
- Nhóm tuổi sau sinh sản: 15 con/ha

Biểu đồ tháp tuổi của quần thể này ở dạng nào?

- A. Dạng phát triển
- B. Dạng ổn định
- C. Vừa ở dạng ổn định vừa ở dạng phát triển
- D. Dạng giảm sút

Câu 20. Chuột sống trong rừng mưa nhiệt đới có thể chịu ảnh hưởng của các nhân tố sinh thái sau: mức độ ngập nước (1), nhiệt độ không khí (2), kiến (3), ánh sáng (4), rắn hổ mang (5), cây gỗ (6), gỗ mục (7), sâu ăn lá cây (8).

Những nhân tố nào thuộc nhóm nhân tố sinh thái vô sinh?

- A. (1), (2), (5), (6)
- B. (1), (3), (4), (7)
- C. (3), (5), (6), (8)
- D. (1), (2), (4), (7)

II. Phần tự luận

Câu 1: Ở một giống đậu Hà Lan, thế hệ xuất phát (P) có tỉ lệ kiểu gen là 25% AA : 50% Aa : 25% aa. Nếu các cây tự thụ phấn liên tục qua các thế hệ thì tỉ lệ các kiểu gen ở thế hệ F3 sẽ như thế nào?

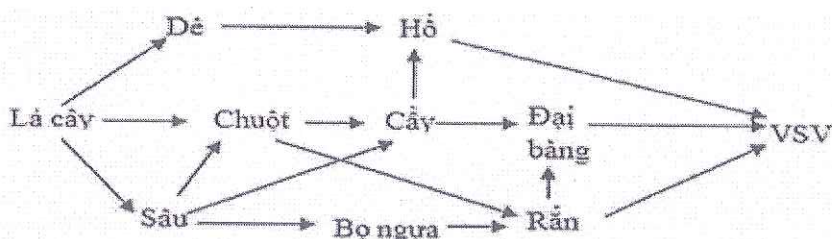
Câu 2: Cho những ví dụ sau:

- | | |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> - Linh cẩu ăn hươu - Dây tơ hồng bám trên cây bụi - Vi khuẩn cố định đạm trong nốt sần rễ cây họ đậu - Chim ăn sâu non | <ul style="list-style-type: none"> - Giun sống trong ruột người - Sâu bọ sống nhờ trong tổ kiến - Các cây thông gần nhau có hiện tượng liên rễ với nhau |
|---|--|

a. Xác định mối quan hệ sinh thái cho các ví dụ trên.

b. So sánh mối quan hệ ở ví dụ 3 với ví dụ 6.

Câu 3. Cho lưới thức ăn sau:



Xác định mắt xích chung, sinh vật sản xuất, sinh vật tiêu thụ bậc 1, 2, 3, 4, sinh vật phân giải trong lưới thức ăn trên.

BGH duyệt

TTCM

NTCM



Khúc Thị Mỹ Hạnh

Đỗ Minh Phượng

Hoàng Thị Khuyên